

Họ tên	Bộ phận	1	2	3	4	7	8	9	10	11	14	15	16	17	18	21	22	23	24	25	28	29	30	Tổng
KHA THỊ HẢI	KHOA DƯỢC	4.02	7.4	7.07	7.33	7.83	8.08	8.1	7.62	7.7	7.77	7.48	7.72	7.98	7.9	8.07	8.03	7.87	7.78	7.97	7.92	5.52	7.7	23
KHOA DƯỢC Count	1																							
HOÀNG VĂN TRUNG	TCHC	4.9	8.95	9	5.48	4.9		4.88	8.55	8.67	7.87	7.92	8.62	8.62	8.67					3.07	8.65	9.22	8.5	18
NGUYỄN XUÂN HÀ	TCHC					8	8.12	7.82	7.72	3.35														5
PHÙNG DUY ĐỨC	TCHC	8.07	7.85	7.95		8.1		3.97	8.17	3.3	8.02	4.18		2.85	7.9	8.12	5.45	8.05	7.85	5.15	8.22	7.9	4.4	20
KHA VĂN HÀ	TCHC		4.22	5.17	5.05			8.75		5.13				4.33	3.07		8.13				5.15			9
VI VĂN THÌN	TCHC	5.03	6.68	7.95	5.18	8.03	7.23	1.92		4.22						8.6	7.4	7.25	4.72	5.12	4.88	8.63	8	17
LÔ VĂN TUẤN	TCHC			5.08		7.7		2.53	4.15	2.48	2.47	8.12				7.48	7.62	7.33	7.78		7.72		4.45	14
LƯƠNG VĂN AI	TCHC					8.05	8.47	8.38	8.22	3.57				8.07	7.83	7.73	8.28	7.42	7.83	7.93	8.15	8.13	8.57	16
LỮ VĂN TÒA	TCHC	8.67	8.55			8.4		8.65			9	8.78		8.62	8.52	8.87		8.72	8.88		8.67	8.37		14
KHOA TCHC Count																								
HÀ NGỌC ANH	KSBT																							0
VỪ BÁ TỔNG	KSBT	8.55	8.72	8.55	4.75							8.43	8.47	7.82	8.03	6.28		8.1	3.07	8.33				12
CỤT VĂN PHON	KSBT	8.08	5.13	8.48	5.07	7.75	7.93	8.43		8.25	8.28	7.67	8.3		8.32	4.85			2.87	8.57	7.97	8.48	8.2	19
VI VĂN KHOA	KSBT	7.93	8.02	7.38	2.47						8.13	7.9	8.37	8.13	4.95	8.32	8.07	8.22	8.23	4.05	7.97	6.13	8.32	18
VI THỊ HỒNG	KSBT															8.12	8.12	8.25	7.7	8.65	7.83	7.67	7.53	9
PHẠM ĐỨC HÒA	KSBT		7.85	7.98	4.97	7.88	8.18	7.8	8.27	7.9	7.98	7.82	7.87	8.18	7.92	8.02	7.9	8.08	8.03	8.05	8.05	7.95	8.1	22
NGUYỄN VĂN TUẤN	KSBT	8.23	8.35	9.48	9.02	8	8.47			8.28						8.62	8.22		3.17	8.47	8.23	8.02	8.97	15
GIÀ BÁ SÔ	KSBT																							0
KHOA KSBT- HIV/AIDS	8																							
NGUYỄN VĂN HIẾU	ATTP-YTCC&DD	3.35	8.05	8.08	8.8						7.9	8.52	8	8.07	4.72	8.27	8.17	8.07	8.17		8.03			14
VI THỊ NGÂN	ATTP-YTCC&DD	8.07	7.97	8.17	5.33	3.68	7.85	6.77	7.93	8.43	8.17	8.25	2.88	8.72	2.73	8.15	8.15	7.88	8.13					18
LÔ XUÂN QUANG	ATTP-YTCC&DD	8.03	8.13	8.27	8.07											8.42	8.5	8.42	8.12	8.23	8.18	8	8.63	13
LÊ CÔNG CHÂU	ATTP-YTCC&DD	7.87	8.5	8.03	8.6	8.37	8.6	6.25	8.6	9.7	8.58	9.73	8.23	9.72	9.68	8.63	8.32	8.37	8.65	9.52	8.4	8.7	8.65	23
MOONG THỊ NHÂN	ATTP-YTCC&DD		7.88	7.8	5.23	7.95	7.67	7.58	6.8	7.72	7.83	7.77	7.2	7.98	7.58	7.92	8.32	7.8	8.02	8.97	8.3	8.2	7.75	22
VI THỊ MY LA	ATTP-YTCC&DD	7.93	8.72	8.12	4.98	8.05	5.22		4.88	5.53	3.48	8.55	8.13	8.98	8.08	8.13	8.63	8.2	8.02	8.63	8.53	5.37	8.2	22
KHOA ATTP - YTCC&D	6																							
MÙA XIA LỮ	DÂN SỐ	7.97	7.97	7.98	8.02	7.83	7.63	8.02	7.97	7.6							8.03		8.1	8.15	7.9	3.65	8.18	16
TRẦN THỊ KHÁNH	DÂN SỐ	3.83											7.73	8.47	7.8	7.93	8.52	7.78	7.93	5.4	8.03	8.78	8.42	13

